

Số: /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số
của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Sở, trưởng các phòng thuộc Sở, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)			Điều kiện bắt buộc	Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 1.
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			Điều kiện bắt buộc	Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 1.
1.3.	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua)	30	6 điểm	Tên giải pháp	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
	Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:				
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học.		Tối đa 6 điểm: - Tạo nội dung cho khóa học: 2 điểm. - Theo dõi, giám sát quá trình học của học sinh: 2 điểm. - Thiết lập điều kiện tiên quyết cho nội dung bài học: 2 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh.		Tối đa 6 điểm: - Có chức năng trao đổi và thảo luận: 3 điểm. - Có chức năng thống kê số lượng trao đổi và thảo luận: 3 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.		Tối đa 6 điểm: - Có công cụ kiểm tra đánh giá: 1 điểm. - Công cụ kiểm tra đánh giá có hỗ trợ đa dạng câu hỏi: trắc nghiệm, đúng/sai, điền vào chỗ trống, nhiều đáp án đúng, câu hỏi trả lời bằng tập tin: 1 điểm. - Có công cụ xây dựng ngân hàng câu hỏi: 2 điểm. - Có công cụ xây dựng ma trận: 2 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	
	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		- Có ứng dụng theo dõi/ giám sát các hoạt động của học sinh: 6 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	
	(5) Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp.		6 điểm	Tên phần mềm	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Số lượng học liệu được số hóa ít hơn 10% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 2 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 10% và ít hơn 20% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 4 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 20% và ít hơn 35% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 6 điểm. - Số lượng học liệu được số hóa nhiều hơn 35% tổng số lượng học liệu của từng môn theo khối: 10 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư 21/2017/TT-BGDĐT (có hiệu lực ngày 23/10/2017) quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thi học liệu số (hay học liệu điện tử) được quy định như sau: Học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
1.5.	Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính thường xuyên : 10 điểm. - Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính định kỳ : 5 điểm.	Tên phần mềm, kết quả thực hiện	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		5 điểm	Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	- <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm; - Có giáo viên chuyên trách phụ trách CNTT: 1 điểm.	Báo cáo kết quả thực hiện	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		- <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm.	- Có kế hoạch tham gia tập huấn chương trình về sử dụng công cụ đổi mới phương pháp dạy học. - Có sử dụng, khai thác công cụ đổi	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
				mới phương pháp dạy học.	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		- <30%: 2 điểm; - 30%-60%: 4 điểm; - >60%: 6 điểm.	Có kế hoạch, phân công cụ thể	
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	20	- <50%: 2 điểm; - 50%-75%: 5 điểm; - >75%: 8 điểm.	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị	Quyết định 762/QĐ-UBND TP.HCM phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học.		7 điểm	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị	Quyết định 762/QĐ-UBND TP.HCM phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).		5 điểm	Số liệu cơ sở vật chất và thông số kỹ thuật hệ thống, thiết bị	Quyết định 762/QĐ-UBND TP.HCM phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực Tin học cho HS phổ thông
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)			Điều kiện bắt buộc	Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 2.
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			Điều kiện bắt buộc	Nếu không đạt điều kiện bắt buộc không có điểm mục 2.
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành: + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). + Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất. + Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. + Phân hệ công thông tin điện tử. + Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.	70	- Phần mềm sử dụng các phân hệ riêng lẻ, không kết nối với nhau (40 điểm). - Phần mềm có kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu giữa các phân hệ với nhau (60 điểm). * Thiếu 1 phân hệ trừ 10 điểm (- 10 điểm).	Quy chế, văn bản, kế hoạch Tên đơn vị cung cấp hệ thống, phân hệ	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Ghi chú, minh chứng	Hướng dẫn
	Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.		10 điểm		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	8 điểm	Đường link, quy chế, văn bản hướng dẫn	
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.		12 điểm		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.		10 điểm		